**TRƯỜNG THPT TẠ QUANG BỬU**

**TỔ GDCD**

**BÀI GIẢNG OFFLINE MÔN GDCD KHỐI 10**

**từ ngày 20/9/2021 – 25/09/2021**

**\*\*\*\*\***

**BÀI 1: THẾ GIỚI QUAN DUY VẬT VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN BIỆN CHỨNG**

1. **MỤC TIÊU BÀI HỌC: Học xong bài này học sinh sẽ có được:**

***1. Về kiến thức:***

- Nhận biết được chức năng thế giới quan, phương pháp luận của triết học.

- Nhận biết đượcnội dung cơ bản của CNDV và CNDT.

- Nhận biết được ,phương pháp và phương pháp luận của triết học

- Hiểu được nội dung phương pháp luận biện chứng và phương pháp luận siêu hình.

***2. Về kỹ năng:***

- Nhận xét đánh giá được một số biểu hiện của quan điểm duy vật hoặc duy tâm.

- Phân biệt được phương pháp luận biện chứng và phương pháp luận siêu hình.

***3. Về thái độ:***

- Có ý thức trau dồi thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.

- Sống và làm việc theo quan điểm duy vật biện chứng.

1. **CÁC NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN Ở HỌC SINH**

- Năng lực tự học, năng lực tư duy phê phán, giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác.

1. **NHIỆM VỤ HỌC TẬP CỦA HỌC SINH:**

* **Hoạt động 1**: ***Đọc tài liệu và thực hiện các yêu cầu:***

Học sinh nghiên cứu SGK GDCD 10, bài “Thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng” từ trang 4 đến trang 11 (nếu có sách giáo khoa), học sinh không có sách giáo khoa có thể tham khảo nội dung kiến thức trọng tâm đính kèm.

HS trả lời các câu hỏi:

1. Triết học là gì ?
2. Triết học có vai trò gì ?
3. Nội dung vấn đề cơ bản của Triết học
4. Phân biệt được thế giới quan duy vật, thế giới quan duy tâm.
5. Thế nào là phương pháp luận biện chứng, phương pháp luận siêu hình.
6. Sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ DV và PPL BC.

* **Hoạt động 2**: ***Kiểm tra, đánh giá quá trình tự học:***

Học sinh cần nắm được kiến thức trọng tâm của bài học

Hoàn thành bài tập củng cố.

Gửi lại thông tin phản hồi nếu gặp khó khăn trong quá trình tự học có thể nêu ra cho giáo viên giải đáp ở tiết học online tiếp theo.

1. **NỘI DUNG BÀI HỌC - KIẾN THỨC TRỌNG TÂM**

***(học sinh ghi bài vào vở)***

**1. Thế giới quan và phương pháp luận**

***a. Vai trò thế giới quan và phương pháp luận của Triết học***

- **Khái niệm triết học** : Là hệ thống các quan điểm lý luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó.

- **Đối tượng:** Nghiên cứu những vấn đề chung nhất, những quy luật chung nhất, phổ biến nhất về sự vận động và phát triển của giới tự nhiên, đời sống xã hội và lĩnh vực tư duy.

**- Vai trò:**Là thế giới quan, phương pháp luận chung cho mọi hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người.

***b. Thế quan duy vật thế giới quan duy tâm***

**- Thế giới quan** : Là toàn bộ những quan điểm và niềm tin định hướng hoạt động của con người trong việc cải tạo thế giới.

Sự hiểu biết và niềm tin của con người về một cái gì đó sẽ tác động đến hoạt động của con người. Thế giới luôn biến đổi và sự hiểu biết của con người cũng luôn thay đổi theo hướng ngày càng sâu sắc hơn, đầy đủ hơn về thế giới xung quanh. Để lựa chọn và trang bị cho mình một thế giới quan khoa học đúng đắn trước hết đòi hỏi mỗi người phân biệt thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm, cơ sở phân biệt chính là vấn đề cơ bản của Triết học

**- Vấn đề cơ bản của triết học:** gồm 2 mặt

*+**Mặt thứ nhất*: Giữa vật chất và ý thức cái nào có trước, cái nào có sau? Cái nào quyết định cái nào?

*+ Mặt thứ hai*: Con người có thể nhận thức và cải tạo thế giới khách quan hay không?

Tùy cách trả lời mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của TH trên đây mà các hệ thống TGQ được xem là duy vật hay duy tâm.

**- Thế giới quan duy vật và thế giới quan duy tâm**

+ TGQ duy vật cho rằng vật chất có trước, ý thức có sau, vật chất quyết định ý thức. TGVC tồn tại khách quan, độc lập với ý thức con người, không do ai sáng tạo ra và không ai có thể tiêu diệt được.

+ TGQ duy tâm cho rằng ý thức là cái có trước và là cái sản sinh ra giới tự nhiên.

Thực tế khẳng định rằng thế giới quan duy vật có vai trò tích cực trong việc phát triển khoa học, nâng cao vai trò của con người đối với giới tự nhiên.

***c. PPL biện chứng và PPL siêu hình***

- Phương pháp luận biện chứng: xem xét sự vật, hiện tượng trong sự ràng buộc lẫn nhau giữa chúng, trong sự vận động và phát triển không ngừng của chúng.

- Phương pháp luận siêu hình: xem xét sự vật, hiện tượng một cách phiến diện, chỉ thấy chúng tồn tại trong trạng thái cô lập, không vận động, không phát triển, áp dụng một cách máy móc đặc tính của sự vật này vào sự vật khác.

*- Như vậy:* PPL BC mang tính đúng đắn giúp con người trong nhận thức và cải tạo thế giới.

**2. CNDV BC-Sự thống nhất hữu cơ giữa TGQ DV và PPL BC.**

*- Triết học Mác – Lênin* đã khắc phục được những hạn chế về thế giới quan duy tâm và phương pháp luận siêu hình; đồng thời *kế thừa, cải tạo, phát triển các yếu tố duy vật và biện chứng của các hệ thống triết học trước đó, thực hiện được sự thống nhất hữu cơ giữa thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng.* **Học sinh tự xem sách giáo khoa trang 8+9**

1. **BÀI TẬP CỦNG CỐ *(học sinh làm bài trắc nghiệm vào vở)***
2. **Trắc nghiệm:**

**Câu 1:** Đối tượng nghiên cứu của Triết học Mác – Lênin là:

A. Những vấn đề chung nhất, phổ biến nhất của thế giới.

B. Những vấn đề quan trọng của thế giới đương đại.

C. Những vấn đề cần thiết của xã hội.

D. Những vấn đề khoa học xã hội

**Câu 2:**Định nghĩa nào dưới đây là đúng về Triết học?

A. Triết học là khoa học nghiên cứu về thế giới, về vị trí của con người trong thế giới.

B. Triết học là khoa học nghiên cứu về vị trí của con người trong thế giới.

C. Triết học là hệ thống các quan điểm lí luận chung nhất về thế giới và vị trí của con người trong thế giới đó.

D. Triết học là hệ thống các quan điểm chung nhất về tự nhiên, xã hội và tư duy.

**Câu 3:**Sự phát triển của loài người là đối tượng nghiên cứu của:

A. Môn Xã hội học.

B. Môn Lịch sử.

C. Môn Chính trị học.

D. Môn Sinh học.

**Câu 4:** Sự phát triển và sinh trưởng của các loài sinh vật trong thế giới tự nhiên là đối tượng nghiên cứu của bộ môn khoa học nào dưới đây?

A. Toán học.

B. Sinh học.

C. Hóa học.

D. Xã hội học.

**Câu 5:** Nội dung nào dưới đây là đối tượng nghiên cứu của Hóa học?

A. Sự cấu tạo chất và sự biến đổi các chất.

B. Sự phân chia, phân giải của các chất hóa học.

C. Sự phân tách các chất hóa học.

D. Sự hóa hợp các chất hóa học

**Câu 6:** Nội dung nào dưới đây là cơ sở để phân chia thế giới quan duy vật và duy tâm?

A. Cách trả lời mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của Triết học.

B. Cách trả lời thứ hai vấn đề cơ bản của Triết học.

C. Cách giải quyết vấn đề cơ bản của triết học.

D. Mặt thứ nhất vấn đề cơ bản của Triết học.

**Câu 7:** Vật chất là cái có trước, cái quyết định ý thức. Giới tự nhiên tồn tại khách quan, không ai sáng tạo ra là quan điểm của

A. Thế giới quan duy tâm.

B. Thế giới quan duy vật.

C. Thuyết bất khả tri.

D. Thuyết nhị nguyên luận.

**Câu 8:** Thế giới quan duy tâm có quan điểm thế nào dưới đây về mối quan hệ giữa vật chất và ý thức?

A. Vật chất là cái có trước và quyết định ý thức.

B. Ý thức là cái có trước và sản sinh ra giới tự nhiên.

C. Vật chất và ý thức cùng xuất hiện. D. Chỉ tồn tại ý thức.

**Câu 9:** Theo nghĩa chung nhất, phương pháp là

A. Cách thức đạt được chỉ tiêu.

B. Cách thức đạt được ước mơ.

C. Cách thức đạt được mục đích.

D. Cách thức làm việc tốt.

**Câu 10:** Phương pháp luận là

A. Học thuyết về phương pháp nhận thức khoa học và cải tạo thế giới.

B. Học thuyết về các cách thức, quan điểm nghiên cứu khoa học.

C. Học thuyết về các phương pháp cải tạo thế giới.

D. Học thuyết về phương án nhận thức khoa học.

**Câu 11:** Nội dung nào dưới đây thuộc kiến thức triết học?

A. Hiện tượng oxi hóa của kim loại.

B. Mọi sự vật hiện tượng luôn luôn vận động.

C. Sự hình thành và phát triển của xã hội.

D. Hơi nước gặp lạnh ngưng tụ thành mưa.

**Câu 12:**Trong các câu tục ngữ dưới đây, câu nào có yếu tố biện chứng?

A. An cư lạc nghiệp.

B. Môi hở rang lạnh.

C. Đánh bùn sang ao.

D. Tre già măng mọc.

**Câu 13:** Trong Triết học duy vật biện chứng, thế giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng

A. thống nhất hữu cơ với nhau.

B. tách rời nhau.

C. tồn tại bên nhau.

D. bài trừ lẫn nhau.

**Câu 14:** Quan điểm nào sau đây thể hiện phương pháp luận biện chứng ?

A. “Không ai tắm hai lần trên cùng một dòng sông”.

B. Cơ thể con người giống như các bộ phận của một cỗ máy.

C. Con voi sừng sững như cái cột đình.

D. Phụ nữ luôn luôn kém thông minh hơn đàn ông.

**Câu 15:** Quan điểm nào sau đây **không phải** là biểu hiện của thế giới quan duy tâm ?

A. Chữa bệnh theo hướng dẫn của bác sĩ.

B. Chữa bệnh bằng bùa phép.

C. Tin một cách mù quáng vào bói toán. D. Mời thầy cúng về đuổi ma.

**Câu 16:**  Truyện ngụ ngôn “Thầy bói xem voi” thuộc phương pháp luận nào dưới đây

1. Biện chứng.
2. Siêu hình

C. Dạy học.

D. Nghiên cứu khoa học.

**Câu 17:** Câu nói “Sống chết có mệnh, giàu sang do trời” phản ánh thế giới quan nào dưới đây ?

1. Duy vật.
2. Duy tâm.

C. Khoa học.

D. Vô thần.

**Câu 18:** A và Mẹ thường xuyên đi lễ chùa cầu mong đạt điểm cao trong kỳ thi tuyển sinh vào lớp 10 THPT sắp tới. Nếu là bạn của A em sẽ khuyên bạn như thế nào cho phù hợp ?

A**.** Nên chăm chỉ ôn luyện để đạt kết quả cao.

B. Nên đi thường xuyên vì như thế mới tự tin khi làm bài.

C. Nên đi đến các đền hơn đi lễ chùa.

D. Rủ các bạn trong lớp cùng đi để có kết quả cao.

**Câu 19:** Sau khi học bài 1 môn Giáo dục công dân 10, bạn Q nói với bạn V rằng: “Triết học là thế giới quan, phương pháp luận chung cho mọi hoạt động thực tiễn và hoạt động nhận thức của con người”. Theo em, lời nói của bạn Q đề cập đến nội dung nào của Triết học?

A. Khái niệm.

B. Nội dung.

C. Vai trò.

D. Ý nghĩa.

**Câu 20:**Nội dung vấn đề cơ bản của triết học gồm mấy mặt?

A. 1

B. 2

C. 3

D. 4

1. **BÀI LÀM**

**Trường:**

**Lớp:**

**Họ tên học sinh:**

1. **ĐÁP ÁN BÀI TẬP TRẮC NGHIỆM:**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1-** | **2-** | **3-** | **4-** | **5-** | **6-** | **7-** | **8-** | **9-** | **10-** |
| **11-** | **12-** | **13-** | **14-** | **15-** | **16-** | **17-** | **18-** | **19-** | **20-** |